

Số: /QĐ- ĐHPVĐ

Quảng Ngãi, ngày tháng 12 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc quy định mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo  
khóa tuyển sinh năm học 2021 - 2022**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG**

*Căn cứ Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 07 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phạm Văn Đồng;*

*Căn cứ Quyết định số 2050/QĐ-ĐHPVĐ ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Phạm Văn Đồng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Phạm Văn Đồng;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo bậc đại học, cao đẳng khóa tuyển sinh năm học 2021 - 2022 theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các đơn vị thuộc trường và các sinh viên, học viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c)
- Sở Tài chính (b/c);
- Hội đồng trường (b/c);
- Hiệu trưởng, các PHT;
- Lưu VT, KHTC.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Đình Thám**

## PHỤ LỤC

### Mức thu học phí đối với các chương trình đào tạo bậc đại học, cao đẳng khóa tuyển sinh năm học 2021 – 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHPVĐ ngày tháng 12 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Phạm Văn Đồng)

| Bậc đào tạo/Khối ngành/Ngành - Hệ chính quy   | Mức thu học phí theo tín chỉ (đồng/tín chỉ) |
|---|---|
| <b>1. Bậc cao đẳng</b>  |   |
| Giáo dục mầm non  | 300.000                                     |
| <b>2. Bậc đại học</b>   |   |
| <b>Khối ngành 1:</b> Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên   | 360.000                                     |
| <b>Khối ngành 3:</b> Kinh doanh và quản lý, pháp luật   | 390.000                                     |
| <b>Khối ngành 5:</b> Toán, Thống kê máy tính, Công nghệ kỹ thuật, kỹ thuật, sản xuất và chế biến, kiến trúc và xây dựng, nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y                             | 430.000                                     |
| <b>Khối ngành 7:</b> Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, báo chí và thông tin, dịch vụ xã hội, du lịch, khách sạn, thể dục thể thao, dịch vụ vận tải, môi trường và bảo vệ môi trường | 380.000                                     |

#### Ghi chú:

- Mức thu học phí theo tín chỉ áp dụng cố định trong suốt khóa học, được xác định theo Khoản 8 Điều 11 Nghị định 81/2021/NĐ-CP.
- Mức học phí đào tạo hình thức vừa làm vừa học: Khối ngành 1 bằng 1,5 lần chính quy; khối ngành 5 bằng 1,3 lần chính quy; khối ngành 3 và khối ngành 7 bằng 1,2 lần chính quy. Phương thức thu theo niên chế hoặc tín chỉ tùy thuộc vào quá trình tổ chức đào tạo.
- Trường hợp chương trình đào tạo bằng tốt nghiệp thứ 2 trình độ đại học, người học đóng học phí của các tín chỉ thực học theo chương trình đào tạo.